

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế xác định giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Pháp lệnh hải quan ngày 20-2-1990;

Căn cứ Điều 7 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội công bố ngày 4-1-1992;

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 918/TC-QĐ-TCT ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư 82/1997-TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện áp dụng giá tính thuế nhập khẩu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xác định giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 1997.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định 192/TCHQ/KTTT ngày 15-5-1995 của Tổng cục Hải quan; Công văn hướng dẫn số 3670/TCHQ-KTTT ngày 14-11-1996 của Tổng cục Hải quan và những quy định trước đây của Tổng cục Hải quan trái với Quyết định này.

Điều 4. Các ông Cục trưởng Cục Kiểm tra thu thuế XNK, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan tổng cục, cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 285 TCHQ-QĐ

ngày 20 tháng 11 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

A. ÁP GIÁ TÍNH THUẾ:

Về nguyên tắc việc áp giá tính thuế phải được tiến hành nhanh chóng, thuận tiện và tuân thủ triệt để các quy định về quản lý giá tính thuế, tránh gây ách tắc trong việc giải phóng hàng.

Cụ thể việc áp giá tính thuế đối với từng trường hợp như sau:

I. ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU:

1. Tại nơi làm thủ tục hải quan, cán bộ tính thuế phải kiểm tra hồ sơ chứng từ đầy đủ của lô hàng, đặc biệt kiểm tra tính hợp lệ của hợp đồng, hoá đơn và các chứng từ thanh toán theo quy định. Có đầy đủ các bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu đã được quy định (các bảng giá của Bộ Tài chính ban hành và bảng giá do Tổng cục Hải quan thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính ban hành) và phải công khai hoá các bảng giá đó tại nơi làm thủ tục.

2. Căn cứ vào kết quả kiểm hoá hàng nhập khẩu thực tế và các tài liệu có liên quan, cán bộ tính thuế kiểm tra lại theo các nội dung: Tên hàng chi tiết, ký mã hiệu, chất lượng, xuất xứ, quy cách, số lượng, trọng lượng, đơn giá ghi trên hợp đồng... sau đó căn cứ vào các bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu hiện hành tại thời điểm nhập khẩu để xác định giá tính thuế, cụ thể:

a. Đối với những mặt hàng nhập khẩu thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế theo quy định tại Quyết định 918-TC/QĐ/TCT ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì:

Nếu có giá ghi trên hợp đồng phù hợp với các chứng từ hợp lệ có liên quan đến việc mua bán hàng và bằng hoặc cao hơn giá mua tối thiểu quy định tại các bảng giá hiện hành thì giá tính thuế hàng nhập khẩu là giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương (giá CiF).

Nếu có giá ghi trên hợp đồng ngoại thương thấp hơn so với bảng giá tối thiểu quy định hoặc nhập khẩu theo phương thức khác không phải là mua bán thì giá tính thuế nhập khẩu áp dụng theo mức giá tối thiểu quy định tại bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu hiện hành.

b. Đối với những mặt hàng nhập khẩu không thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế:

Nếu có đủ điều kiện như quy định tại điểm I mục C Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện áp dụng giá tính thuế nhập khẩu thì được áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương (giá CiF).

Nếu không đủ điều kiện xác định giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương như quy định tại điểm I mục C Thông tư số 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện áp dụng giá tính thuế nhập khẩu hoặc nhập khẩu theo phương thức khác, không phải là mua bán, không thanh toán qua ngân hàng thì áp theo bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu hiện hành.

c. Trường hợp các mặt hàng phải áp giá tính thuế theo bảng giá tối thiểu (mặt hàng Nhà nước quản lý giá hoặc mặt hàng không đủ điều kiện áp giá theo hợp đồng) nhưng chưa có giá tại bảng giá tối thiểu của Bộ Tài chính hoặc Tổng cục Hải quan ban hành thì cán bộ tính thuế tại nơi làm thủ tục hải quan tiến hành tính thuế theo giá tự kê khai của doanh nghiệp (giá CiF) đối với mặt hàng mới phát sinh, đồng thời lập báo cáo giá theo mẫu 2 để báo cáo phòng giá hoặc phòng KTTT của Cục Hải quan địa phương, sau đó Cục Hải quan địa phương phải tập hợp và lập báo cáo giá theo mẫu 2 có đề xuất giá tính thuế (như quy định tại điểm II mục B của văn bản này) gửi Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan xem xét và chỉ đạo áp dụng.

d. Đối với doanh nghiệp, đơn vị được quyền tự kê khai giá tính thuế nhập khẩu phải cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về bảo đảm tính trung thực, chính xác của giá kê khai; trường hợp nếu phát hiện có hành vi man khai sẽ bị truy thu đủ thuế nhập khẩu và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt từ 2 đến 5 lần số thuế gian lận.

g. Trường hợp các mặt hàng nhập khẩu có hợp đồng mua bán ngoại thương hợp pháp, hợp lệ đủ điều kiện tính theo giá ghi trên hợp đồng như quy định tại Quyết định 918-TC/QĐ/TCT ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính nhưng giá mua bán ghi trên hợp đồng ngoại thương (giá CiF) là quá thấp, quá bất hợp lý thì Cục Hải quan địa phương báo cáo xin ý kiến Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính để có ý kiến chỉ đạo cụ thể từng trường hợp.

3. Khi áp giá tính thuế phải ghi rõ là "giá tính thuế theo hợp đồng" hay áp theo bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu hiện hành và phải ghi rõ là áp giá theo bảng giá nào (ghi trên mục giá của tờ khai hải quan).

4. Những trường hợp áp giá theo hợp đồng thì Cục Hải quan tỉnh, thành phố phải thống kê ghi rõ tên hàng chi tiết, tên công ty nhập hàng, số tờ khai, giá FOB hay giá CiF, số hợp đồng, đánh giá các trường hợp áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương và định kỳ 10 ngày 1 lần báo cáo về Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính (theo mẫu 1) để xem xét và chỉ đạo việc xác định giá tính thuế. (Lập báo cáo riêng các trường hợp nhập khẩu nêu tại mục II Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính).

5. Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu đã qua sử dụng được phép nhập khẩu bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá hàng mới cùng chủng loại. Những mặt hàng trên thực tế không có giá hàng mới cùng chủng loại thì căn cứ theo loại hàng mới tương đương để tính.

II. ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CÁC MẶT HÀNG THUỘC DANH MỤC NHÓM MẶT HÀNG NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ GIÁ TÍNH THUẾ DO CÁC ĐỐI TƯỢNG QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A THÔNG TƯ 82/1997/TT/BTC NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 1997 CỦA

**BỘ TÀI CHÍNH NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU VẬT TƯ
TRỰC TIẾP ĐƯA VÀO SẢN XUẤT, LẮP RÁP:**

1. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ nội dung các quy định áp dụng đối với loại hình nhập khẩu này tại Quyết định 918-TC/QĐ/TCT ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính và bộ hồ sơ đăng ký làm thủ tục nhập khẩu lô hàng, Cục Hải quan địa phương kiểm tra nếu đủ các điều kiện theo quy định tại điểm II mục C của Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính thì áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương (giá CiF) và có ý kiến phê duyệt vào tờ khai hải quan: đồng ý cho áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương.

Khi thực hiện điểm này, Cục Hải quan địa phương cần lưu ý:

a. Về việc xác nhận dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm như sau:

Đối với đơn vị sản xuất trong nước phải có bản xác nhận của Bộ Chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc: Đơn vị có dây chuyền công nghệ sản xuất, lắp ráp, có đủ năng lực để sản xuất sản phẩm theo quy định. Sử dụng nguyên vật liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm.

Đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư phải có bản xác nhận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phải có dây chuyền công nghệ sản xuất, lắp ráp, thiết bị hoàn chỉnh và phải đảm bảo đủ điều kiện kỹ thuật, chức năng sản xuất kinh doanh phù hợp với giấy phép đầu tư để sản xuất sản phẩm, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đó.

b. Phải có bản xác nhận của cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc đơn vị, doanh nghiệp nhập khẩu và uỷ thác nhập khẩu thực hiện đúng chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ.

3. Nếu lô hàng không đủ điều kiện áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng theo quy định tại điểm II của Thông tư 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính thì Cục Hải quan địa phương căn cứ các nguyên tắc quản lý giá tính thuế để áp giá tính thuế theo bảng giá tối thiểu hiện hành.

4. Các trường hợp cung cấp vật tư nguyên liệu nhập khẩu giữa các doanh nghiệp trong nước có hạch toán kinh tế độc lập (kể cả đơn vị trong cùng một Tổng công ty hoặc Liên hợp...) với nhau không được coi là "trực tiếp đưa vào sản xuất".

5. Đối với phần nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế đã được tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng (giá CiF) thấp hơn giá tính thuế tối thiểu quy định, nếu không đưa vào sản xuất trực tiếp mà bán chuyển nhượng lại cho các doanh nghiệp hoặc đơn vị, tổ chức khác thì sau 2 ngày chuyển nhượng, mua bán, đơn vị, doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng và cơ quan thuế địa phương quản lý doanh nghiệp được biết. Cục Hải quan địa phương trên cơ sở khai báo của đơn vị nhập khẩu và xác nhận của cục thuế địa phương tiến hành tính lại thuế phần nguyên liệu chuyển nhượng theo quy định về giá tính thuế tại thời điểm chuyển nhượng và ra thông báo thuế bổ sung.

6. Để quản lý các tờ khai hải quan đăng ký nhập khẩu theo loại hình này, phòng KTTT của các Cục Hải quan địa phương phải lập sổ theo dõi đầy đủ các chỉ tiêu sau:

Tên đơn vị nhập khẩu